

Phụ lục I

**QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI TỔ CHỨC KỲ THI
TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/2025/NQ-HĐND ngày...../...../2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh
Quảng Ngãi)*

Số thứ tự	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
1	Ban Chỉ đạo			
	- Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	500	
	- Phó Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	450	
	- Ủy viên, thư ký	<i>Người/ngày</i>	400	
	- Nhân viên phục vụ	<i>Người/ngày</i>	200	
2	Hội đồng thi			
	- Chủ tịch	<i>Người/ngày</i>	500	
	- Phó Chủ tịch	<i>Người/ngày</i>	450	
	- Ủy viên	<i>Người/ngày</i>	400	
3	Hội đồng/Ban in sao đề thi			
	- Chủ tịch/Trưởng ban làm việc cách ly	<i>Người/ngày</i>	500	
	- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban làm việc cách ly	<i>Người/ngày</i>	450	
	- Thư ký, uỷ viên làm việc cách ly	<i>Người/ngày</i>	400	
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	<i>Người/ngày</i>	400	
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	<i>Người/ngày</i>	200	
	- Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	<i>Người/ngày</i>	400	
4	Ban Thư ký Hội đồng thi			
	- Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	500	
	- Phó Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	450	
	- Ủy viên	<i>Người/ngày</i>	400	
5	Hội đồng/Ban coi thi			
	- Chủ tịch/Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	500	
	- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	450	
	- Trưởng điểm thi	<i>Người/ngày</i>	500	
	- Phó Trưởng điểm thi	<i>Người/ngày</i>	450	
	- Ủy viên, thư ký, giám thị, giám sát	<i>Người/ngày</i>	400	
	- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	<i>Người/ngày</i>	200	
	- Đối với những người thực hiện nhiệm vụ trực bảo vệ bài thi ban đêm (ngoài các mức chi trên)	<i>Người/đêm</i>	100	
6	Ban/Tổ làm phách			
	- Trưởng ban/Tổ trưởng làm việc cách ly	<i>Người/ngày</i>	500	
	- Phó Trưởng ban/Tổ phó làm việc cách ly	<i>Người/ngày</i>	450	
	- Ủy viên, thư ký	<i>Người/ngày</i>	400	
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly	<i>Người/ngày</i>	400	
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	<i>Người/ngày</i>	200	
7	Tổ chức chấm thi: Hội đồng/Ban chấm thi tự luận; Hội đồng/Ban chấm thi trắc nghiệm; Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi; Hội đồng/Ban phúc khảo bài thi tự luận; Hội đồng/Ban phúc khảo bài thi trắc nghiệm			

Số thứ tự	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
	- Chủ tịch/ Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	500	
	- Phó Chủ tịch/ Phó Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	450	
	- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	<i>Người/ngày</i>	400	
	- Công an bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	<i>Người/ngày</i>	200	
	- Đối với những người thực hiện nhiệm vụ trực bảo vệ bài thi ban đêm (ngoài các mức chi trên)	<i>Người/đêm</i>	100	
8	Thanh tra/kiểm tra kỳ thi tốt nghiệp			
	- Trưởng/Phó đoàn	<i>Người/ ngày</i>	500	
	- Thành viên	<i>Người/ ngày</i>	400	

QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI TỔ CHỨC KỲ THI TUYỂN SINH ĐẦU CẤP PHỔ THÔNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/2025/NQ-HĐND ngày...../...../2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Số thứ tự	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)		Ghi chú
			THPT	THPT chuyên	
1	Ban Chỉ đạo				
	- Trưởng ban/Chủ tịch	Người/ngày	500	500	
	- Phó Trưởng ban/Phó Chủ tịch	Người/ngày	450	450	
	- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	400	400	
	- Nhân viên phục vụ	Người/ngày	200	200	
2	Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi tuyển sinh đầu cấp				
2.1	Xây dựng và phê duyệt ma trận đề, bảng đặc tả đề thi				
	- Chủ trì	Người/ngày	450	450	
	- Thành viên	Người/ngày	400	400	
2.2	Soạn thảo câu hỏi				
	- Câu hỏi thô	Câu	40	60	
	- Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu	40	50	
	- Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu	40	40	
	- Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề	Câu	28	28	
	- Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi theo hướng chuẩn hóa	Câu	8	8	
3	Hội đồng/Ban ra đề thi				
	a) Đề đề xuất	Đề	450	580	
	b) Đề thi chính thức, dự bị kèm đáp án, biểu điểm	Đề			
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	500	500	
	- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	450	450	
	- Thư ký, ủy viên	Người/ngày	400	400	
	- Công an Bảo vệ vòng trong (24h/24h)	Người/ngày	350	350	
	- Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	300	300	
4	Hội đồng/Ban coi thi				
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	500	500	
	- Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	450	450	
	- Ủy viên, thư ký, giám thị, giám sát	Người/ngày	400	400	
	- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	200	200	
	- Đối với những người thực hiện nhiệm vụ trực bảo vệ bài thi, đề thi ban đêm (ngoài các mức chi trên)	Người/đêm	100	100	
5	Hội đồng/Ban chấm thi, chấm thẩm định, chấm phúc khảo				
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	500	500	
	- Phó chủ tịch/ Phó Trưởng ban	Người/ngày	450	450	
	- Ủy viên, thư ký, giám khảo	Người/ngày	400	400	
	- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	200	200	
	- Tiền công Tổ trưởng chấm thi (ngoài tiền công chấm bài thi)	Người/đợt	300	300	
	- Đối với những người thực hiện nhiệm vụ trực bảo vệ bài thi ban đêm (ngoài các mức chi trên)	Người/đêm	100	100	
6	Thanh tra/kiểm tra tuyển sinh vào lớp 10				
	- Trưởng/Phó đoàn	Người/ngày	500	500	
	- Thành viên	Người/ngày	400	400	

Phụ lục III

QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI TỔ CHỨC KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CÁC CẤP

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/2025/NQ-HĐND ngày...../...../2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Số thứ tự	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)				Ghi chú
			Cấp trường	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia	
I	Nội dung, mức chi cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ						
1	Ban chỉ đạo						
	- Trưởng ban	Người/ngày	190	400	500		
	- Phó Trưởng ban	Người/ngày	160	360	450		
	- Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	110	320	400		
	- Nhân viên phục vụ	Người/ngày	100	280	350		
2	Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi học sinh giỏi các cấp						
2.1	Xây dựng và phê duyệt ma trận đề, bảng đặc tả đề thi						
	- Chủ trì	Người/ngày		300	450		
	- Thành viên	Người/ngày		250	400		
2.2	Soạn thảo câu hỏi						
	- Câu hỏi thô	Câu		40	60		
	- Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập	Câu		40	50		
	- Chính sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu		40	40		
	- Chính sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề	Câu		28	28		
	- Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi theo hướng chuẩn hóa	Câu		8	8		
3	Hội đồng/Ban ra đề thi						
	Chi xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi.						
	a. Đề đề xuất kèm đáp án, biểu điểm	Đề	240	400	500		
	b. Đề thi chính thức, dự bị kèm đáp án, biểu điểm						
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	320	400	500		
	- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	280	400	450		
	- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	280	400	450		
	- Công an bảo vệ vòng trong (24h/24h)	Người/ngày		300	350		
	- Ủy viên, công an bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	100	150	200		
	- Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	Người/ngày	280	400	450		
4	Hội đồng/Ban in sao đề thi						
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày				560	
	- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày				500	
	- Ủy viên, thư ký	Người/ngày				450	
	- Công an, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày				200	
	- Ủy viên, công an bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày				150	
	- Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	Người/ngày				200	
5	Hội đồng/Ban coi thi						
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	260	400	500	560	
	- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	220	340	450	500	
	- Ủy viên, thư ký, giám thị, kỹ thuật viên	Người/ngày	170	280	400	450	

Số thứ tự	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)				Ghi chú
			Cấp trường	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia	
	- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, nhân viên y tế	<i>Người/ngày</i>	100	150	200	200	
	- Đối với những người thực hiện nhiệm vụ trực bảo vệ bài thi, đề thi ban đêm (ngoài các mức chi trên)	<i>Người/đêm</i>				100	
6	Ban/Tổ làm phách						
	- Trưởng ban/Tổ trưởng làm việc cách ly	<i>Người/ngày</i>	260	400	500		
	- Phó Trưởng ban/Tổ phó làm việc cách ly	<i>Người/ngày</i>	220	340	450		
	- Ủy viên, thư ký	<i>Người/ngày</i>	170	280	400		
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly	<i>Người/ngày</i>	100	150	200		
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	<i>Người/ngày</i>	80	120	150		
7	Hội đồng/Ban chấm thi, chấm thẩm định, chấm phúc khảo						
	- Chủ tịch/Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	260	400	500		
	- Phó chủ tịch/ Phó trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	220	360	450		
	- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	<i>Người/ngày</i>	200	320	400		
	- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	<i>Người/ngày</i>	100	200	200		
	- Đối với những người thực hiện nhiệm vụ trực bảo vệ bài thi ban đêm (ngoài các mức chi trên)	<i>Người/đêm</i>		100	100		
II	Nội dung, mức chi liên quan đến tổ chức kỳ thi						
1	Tập huấn, bồi dưỡng các đội tuyển dự thi						
	- Chi dịch tài liệu tham khảo (<i>tối thiểu mỗi trang phải đạt 300 từ của văn bản gốc</i>)	<i>Trang</i>				80	
	- Chi cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn, bồi dưỡng	<i>Người/ngày</i>	150	150	200	200	
	- Chi biên soạn và giảng dạy						
	+ Chi thuê giảng viên, giáo viên tập huấn, dạy bồi dưỡng	<i>Tiết</i>				800	
	+ Biên soạn và giảng dạy lý thuyết	<i>Tiết</i>	200	200	250	500	
	+ Biên soạn và giảng dạy thực hành	<i>Tiết</i>	150	150	200	450	
	+ Trợ lý thí nghiệm, thực hành	<i>Tiết</i>	150	150	200	300	
2	Tiền lưu trú, ở và vé tàu xe đi lại của giáo viên, nhân viên ở xa trong thời gian tập huấn		Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi.				
3	Chi cho học sinh						
	- Chi tiền ăn cho học sinh đội tuyển những ngày tập huấn	<i>Người/ngày</i>		100	150	200	
	- Chi tiền ăn cho học sinh đội tuyển những ngày dự thi	<i>Người/ngày</i>	100	100	150	250	
	- Tiền ở, tàu xe đi lại cho học sinh ở xa trong thời gian tập huấn, dự thi; thuê phòng học, phòng thí nghiệm, nguyên liệu hóa chất thực hành,...		<i>Chi thực tế và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ hóa đơn theo quy định trong phạm vi dự toán</i>				
III	Chi khen thưởng						
	- Giải nhất	<i>Giải</i>	500	640	800		
	- Giải nhì	<i>Giải</i>	400	450	600		

Số thứ tự	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)				Ghi chú
			Cấp trường	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia	
	- Giải ba	<i>Giải</i>	250	300	400		
	- Giải khuyến khích	<i>Giải</i>	150	200	250		

Phụ lục IV

QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI TỔ CHỨC CUỘC THI, HỘI THI: HỘI THI GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG; HỘI THI GIA ĐÌNH - DINH DƯỠNG - TRẺ THƠ; HỘI THI BÉ VỚI DINH DƯỠNG; HỘI THI BÉ KHÉO TAY, BÉ NHANH TRÍ, BÉ TẬP LÀM NỘI TRỢ; CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT; CUỘC THI HỌC SINH VỚI Ý TƯỞNG KHỞI NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/2025/NQ-HĐND ngày...../...../2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Số thứ tự	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)				Ghi chú
			Cấp trường	Cấp xã (MN, TH và THCS)	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia	
I	Nội dung, mức chi cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ						
1	Ban chỉ đạo/Ban tổ chức						
	- Trưởng ban	Người/ngày	190	320	400		
	- Phó Trưởng ban	Người/ngày	160	290	360		
	- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	110	260	320		
	- Nhân viên phục vụ	Người/ngày	100	220	280		
2	Hội đồng/Ban ra đề thi						
	a. Đề đề xuất	Đề	240	310	460		
	b. Ra đề thi chính thức, dự bị kèm đáp án, biểu điểm						
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	320	400	500		
	- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	280	360	450		
	- Người ra đề thi	Người/ngày	280	360	450		
	- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	250	320	400		
	- Bảo vệ, nhân viên phục vụ	Người/ngày	100	150	200		
3	Hội đồng/Ban coi thi						
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	260	320	400		
	- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	220	290	360		
	- Ủy viên, thư ký, giám thị, kỹ thuật viên	Người/ngày	170	220	280		
	- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y	Người/ngày	100	150	200		
4	Hội đồng/Ban chấm thi						
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	260	320	400		
	- Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	220	290	360		
	- Ủy viên, thư ký, người chấm thi (giám khảo), kỹ thuật viên	Người/ngày	170	220	280		
	- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tá	Người/ngày	100	150	200		
II	Nội dung, mức chi liên quan đến tổ chức kỳ thi, cuộc thi, hội thi						
1	Giáo viên, nhân viên hướng dẫn						
	- Hướng dẫn học sinh hoàn thiện sản phẩm đề tham gia dự thi cấp tỉnh/quốc gia cuộc thi Khoa học kỹ thuật (số buổi tính cho 01 sản phẩm/dự án không quá 20 buổi)	Người/buổi			250	500	
	- Hướng dẫn học sinh tham gia hội thi giáo dục an toàn giao thông; hội thi gia đình - dinh dưỡng - trẻ thơ; hội thi bé với dinh dưỡng; hội thi bé khéo tay, bé nhanh trí, bé tập làm nội trợ; cuộc thi học sinh với ý tưởng khởi nghiệp	Người/ngày		50	100	150	
2	Chi học sinh						
	- Hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho học sinh luyện tập đề gia tham hội thi, cuộc thi	Người/ngày		50	100	150	
	- Tiền ăn học sinh tham gia hội thi, cuộc thi	Người/ngày		100	150	200	
	- Tiền ở, tàu xe đi lại cho học sinh ở xa trong thời gian tập huấn, dự thi; thuê phòng học, phòng thí nghiệm, nguyên liệu hóa chất thực hành,..	Chi thực tế và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định trong phạm vi dự toán được giao					

[illegible]

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/2025/NQ-HĐND ngày...../...../2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Số thứ tự	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)				Ghi chú
			Cấp trường	Cấp xã (MN, TH và THCS)	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia	
I	Nội dung, mức chi cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ						
1	Ban chỉ đạo/Ban tổ chức						
	- Trưởng ban	Người/ngày	190	320	400		
	- Phó Trưởng ban	Người/ngày	160	290	360		
	- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	110	260	320		
	- Nhân viên phục vụ	Người/ngày	100	220	280		
2	Hội đồng/Ban ra đề thi						
	a. Đề đề xuất	Đề	240	310	460		
	b. Ra đề thi chính thức, dự bị kèm đáp án, biểu điểm						
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	320	400	500		
	- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	280	360	450		
	- Người ra đề thi	Người/ngày	280	360	450		
	- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	250	320	400		
	- Bảo vệ, nhân viên phục vụ	Người/ngày	100	150	200		
3	Hội đồng/Ban coi thi						
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	260	320	400		
	- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	220	290	360		
	- Ủy viên, thư ký, giám thị, kỹ thuật viên	Người/ngày	170	220	280		
	- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	100	150	200		
4	Hội đồng/ Ban chấm thi						
	- Chủ tịch/ Trưởng ban	Người/ngày	260	320	400		
	- Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	220	290	360		
	- Ủy viên, thư ký, người chấm thi (giám khảo), kỹ thuật viên	Người/ngày	170	220	280		
	- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	100	150	200		
II	Nội dung, mức chi luyện tập và tham gia hội thi						
1	Hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho học sinh, giáo viên, nhân viên luyện tập để tham gia hội thi, cuộc thi	Người/ngày		50	100	150	
2	Tiền ăn học sinh tham gia hội thi, cuộc thi	Người/ngày		100	150	200	
3	Tiền ở, tàu xe đi lại cho học sinh ở xa trong thời gian tập huấn, dự thi; thuê phòng học, phòng thí nghiệm, nguyên liệu hóa chất thực hành,...		Chi thực tế và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định trong phạm vi dự toán được giao				
III	Chi khen thưởng						
1	Thưởng cá nhân						
	- Nhất hoặc tương đương	Giải	400	450	600		
	- Nhì hoặc tương đương	Giải	250	300	450		
	- Ba hoặc tương đương	Giải	150	200	300		
2	Thưởng tập thể (có từ 02 học sinh trở lên)						
	- Nhất hoặc tương đương	Giải	500	600	800		
	- Nhì hoặc tương đương	Giải	350	400	600		
	- Ba hoặc tương đương	Giải	250	300	400		
	- Khuyến khích/giải tư	Giải	150	200	250		
IV	Chi phí theo thực tế để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các hội thi:						

[illegible]

Phụ lục VI

QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI TỔ CHỨC HỘI THI GIÁO VIÊN DẠY GIỎI; HỘI THI GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP GIỎI; HỘI THI CÁN BỘ THƯ VIỆN GIỎI; HỘI THI XÂY DỰNG THIẾT BỊ DẠY HỌC SỐ; HỘI THI THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐIỆN TỬ; HỘI THI GIÁO VIÊN THANH LỊCH; HỘI THI CÔ NUÔI TRẺ GIỎI; HỘI THI VĂN NGHỆ GIÁO VIÊN; HỘI THI TỔNG PHỤ TRÁCH ĐỘI GIỎI; HỘI THI TỰ LÀM VÀ SỬ DỤNG ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/2025/NQ-HĐND ngày...../...../2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Nội dung	ĐVT	Mức chi (1.000 đồng)			Ghi chú
			Cấp trường	Cấp xã (MN, TH và THCS)	Cấp tỉnh	
I	Nội dung, mức chi cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ					
1	Ban chỉ đạo/Ban tổ chức					
	- Trưởng ban	Người/ngày	240	400	500	
	- Phó Trưởng ban	Người/ngày	200	360	450	
	- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	140	320	400	
	- Nhân viên phục vụ	Người/ngày	100	280	350	
2	Hội đồng/Ban ra đề thi					
	a. Đề đề xuất	Đề	300	390	580	
	b. Ra đề thi chính thức, dự bị kèm đáp án, biểu điểm					
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	320	400	500	
	- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	280	360	450	
	- Người ra đề thi	Người/ngày	280	360	450	
	- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	250	320	400	
	- Bảo vệ, nhân viên phục vụ	Người/ngày	100	125	150	
3	Hội đồng/Ban coi thi					
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	320	400	500	
	- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	280	360	450	
	- Ủy viên, thư ký, giám thị, kỹ thuật viên	Người/ngày	220	280	350	
	- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	100	125	150	
4	Hội đồng/Ban chấm thi					
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	320	400	500	
	- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	280	360	450	
	- Ủy viên, thư ký, người chấm thi (giám khảo), kỹ thuật viên	Người/ngày	220	280	350	
	- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	100	125	150	
II	Chi khen thưởng					
	- Giải nhất	Giải	500	640	800	
	- Giải nhì	Giải	400	450	600	
	- Giải ba	Giải	250	300	400	
	- Khuyến khích/giải tư	Giải	150	200	250	
III	Nội dung, mức chi theo thực tế để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các hội thi					

TT	Nội dung	ĐVT	Mức chi (1.000 đồng)			Ghi chú
			Cấp trường	Cấp xã (MN, TH và THCS)	Cấp tỉnh	
1	Chi thuê địa điểm làm việc cho Hội đồng ra đề thi; tổ chức thi; chấm thi (nếu có): Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các nhiệm vụ này tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định. Trong trường hợp sử dụng cơ sở vật chất của các cơ quan, đơn vị khác (địa điểm, thiết bị, dụng cụ) để thực hiện nhưng vẫn phải thanh toán các khoản chi phí điện, nước, vệ sinh, an ninh, phục vụ, thì chứng từ thanh toán là bản hợp đồng và thanh lý hợp đồng công việc giữa hai bên kèm theo phiếu thu của cơ quan, đơn vị cho mượn cơ sở vật chất; bên cho mượn cơ sở vật chất hạch toán khoản thu này để giảm chi kinh phí hoạt động của đơn vị.					
2	Chi mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, kiểm tra các dụng cụ, hóa chất, nguyên vật liệu, trang thiết bị, mẫu vật thực hành, vật tư, văn phòng phẩm; chi in ấn các tài liệu, giấy chứng nhận, thẻ phục vụ công tác tổ chức thi, chấm thi: Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các nhiệm vụ này tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định.					
IV	Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị; chi đi công tác để thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi; chi tiền ở, đi lại trong nước của những người tham gia công tác ra đề, tổ chức thi và chấm thi (nếu có): Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi.					

Phụ lục VII

**QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI TỔ CHỨC HỘI THAO QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH;
HỘI KHỎE PHÙ ĐỔNG; HỘI THI THỂ THAO**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/2025/NQ-HĐND ngày...../...../2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Số thứ tự	Nội dung	ĐVT	Mức chi (1.000 đồng)				Ghi chú
			Cấp trường	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia	
I	Nội dung, mức chi cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ, chi phí theo thực tế để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các hội thi:						
1	Hội đồng/Ban ra đề						
	a. Đề đề xuất	<i>Đề</i>	190	250	370		
	b. Ra đề chính thức, dự bị kèm đáp						
	- Chủ tịch/Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	260	320	400		
	- Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	230	290	360		
	- Người ra đề	<i>Người/ngày</i>	230	290	360		
	- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	<i>Người/ngày</i>	200	260	320		
	- Bảo vệ, nhân viên phục vụ	<i>Người/ngày</i>	100	100	120		
2	Hội đồng/Ban giám khảo						
	- Chủ tịch/Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	210	250	320		
	- Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	180	230	290		
	- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	<i>Người/ngày</i>	140	200	220		
	- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	<i>Người/ngày</i>	100	100	120		
3	Ban thư ký						
	- Trưởng Ban	<i>Người/ngày</i>	210	250	320		
	- Phó Trưởng Ban	<i>Người/ngày</i>	180	230	290		
	- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	<i>Người/ngày</i>	140	200	220		
	- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	<i>Người/ngày</i>	100	100	120		
4	Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, Tiểu ban chuyên môn, Trọng tài, Giám sát, Thư ký, Công an, y tế, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, nhân viên phục vụ; Tổ chức đồng diễn, điều hành, xếp hình, xếp chữ cấp tỉnh	<i>Áp dụng mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 28/2013/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Quy định chế độ chi tiêu tài chính tổ chức các giải thi đấu thể thao tỉnh Kon Tum được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 35/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ nghị quyết, nội dung trong Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành. Cấp trường áp dụng tối đa bằng 80% mức chi cấp xã.</i>					
5	Chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên						
	- Trong thời gian tham gia luyện tập	<i>Người/ngày</i>	90	120	150	200	
	- Trong thời gian tham gia thi	<i>Người/ngày</i>	120	160	200	300	Áp dụng đối với trường hợp không đủ điều kiện thanh toán công tác phí
6	Tiền lưu trú, ở, tàu xe cho huấn luyện viên, vận động viên là giáo viên, nhân viên, diễn viên trong thời gian luyện tập và tham gia thi	<i>Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi.</i>					
7	Tiền ở, tàu xe đi lại cho học sinh trong thời gian luyện tập và tham gia thi	<i>Chi thực tế và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định trong phạm vi dự toán được giao.</i>					

Số thứ tự	Nội dung	ĐVT	Mức chi (1.000 đồng)				Ghi chú
			Cấp trường	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia	
8	Mức chi hỗ trợ trang điểm, hóa trang cho người tham gia biểu diễn khai mạc, tổng kết	Người/đợt	120	160	200	250	Có hóa đơn hợp lệ
9	Mức chi thuê trang phục cho người tham gia biểu diễn khai mạc, tổng kết	Người/đợt	60	80	100	150	
10	Thuê đạo diễn chương trình, thuê người dẫn chương trình (MC) khai mạc, tổng kết	Căn cứ hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp lệ trong phạm vi dự toán được giao					
11	Tiền thuê cơ sở vật chất, phí khám sức khỏe cho vận động viên, mua vật tư y tế, một số chi phí khác như vận chuyển, lắp đặt, trang thiết bị, mẫu vật thực hành, văn phòng phẩm, in ấn biểu mẫu, thẻ đeo, ...	Căn cứ hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp lệ trong phạm vi dự toán được giao					
II	Chi khen thưởng						
1	Giải cá nhân						
	- Giải nhất/Huy chương vàng	Giải	250	350	400		
	- Giải nhì /Huy chương bạc	Giải	200	250	300		
	- Giải ba/Huy chương đồng	Giải	150	150	200		
2	Giải tập thể (có từ 02 đến 04 vận động viên)						
	- Giải nhất/Huy chương vàng	Giải	400	600	700		
	- Giải nhì /Huy chương bạc	Giải	300	400	500		
	- Giải ba /Huy chương đồng	Giải	200	300	300		
	- Giải khuyến khích	Giải	100	150	200		
3	Giải tập thể (Môn thi đấu có từ 05 vận động viên trở lên hoặc có từ 7 nội dung trở lên)						
	- Giải nhất/Huy chương vàng	Giải	600	800	1.000		
	- Giải nhì /Huy chương bạc	Giải	400	600	700		
	- Giải ba /Huy chương đồng	Giải	250	400	400		
	- Giải khuyến khích	Giải	150	200	300		
4	Giải toàn đoàn (hội thi, giải thi đấu có từ 10 đơn vị tham gia hoặc giải thi đấu thể thao có 03 môn thi đấu trở lên)						
	- Giải nhất	Giải	1.000	1.200	1.500		
	- Giải nhì	Giải	800	800	1.000		
	- Giải ba	Giải	400	600	800		
	- Giải khuyến khích	Giải	300	500	600		

Chú thích: Đối với hội thao quốc phòng và an ninh chỉ áp dụng đối với cấp trường THPT và cấp tỉnh.